| | |
|---|---|
| **TÒA ÁNNHÂN DÂN**<br>**HUYỆN NHƯ XUÂN**<br>**TỈNH THANH HÓA** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |

Bản án số: 35/2017/HS-ST
Ngày 27-12-2017

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƯ XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

***Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:* Ông Ngô Công Tuấn

*Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Xuân Ái;

2. Ông Nguyễn Kim Sơn;

***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Thu Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân:*** Ông Lê Anh Ngọc - Kiểm sát Viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2017/HSST ngày 16 tháng 10 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2017/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2017, đối với bị cáo:

Trịnh Đình T; Sinh ngày 18 tháng 12 năm 1992 tại xã Hải Long, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: thôn Hải Xuân, xã Hải Long, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Đình D và bà Đào Thị Ng; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 25 tháng 12 năm 2012 bị TAND huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 15 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc" (Đã được xóa án tích); Ngày 06 tháng 11 năm 2013 bị Công an huyện Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa xử phạt hành chính về hành vi "Sử dụng trái phép chất ma túy" bằng hình thức phạt tiền là 750.000đ (Đã chấp hành xong); bị tạm giữ ngày 30/6/2017, tạm giam ngày 03/7/2017 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa đến nay đến nay (Có mặt).

* *Người làm chứng:*

1. Anh: Nguyễn Tiên Ph; 2. Anh: Lê Hồng Th;

3. Anh: Trần Nhân T; 4. Anh: Hà Văn M.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 40 phút ngày 30/06/2017, Tổ công tác của Công an huyện Như Xuân tiến hành kiểm tra phòng 209 Nhà nghỉ Cường Vinh có địa chỉ tại Thôn Lúng, TT Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, trong phòng có đối tượng Trịnh Đình T. Khi tiến hành kiểm tra phát hiện trên chiếc giường ngủ đặt tại vị trí gần cửa ra vào phòng nghỉ có 01 gói nilong màu trắng, bên trong chứa 09 gói giấy nhỏ màu trắng, có dòng kẻ xanh đều chứa các cục vụn màu trắng ngà (nghi là Hêrôin) nên đã tiến hành lập biên bản phạm pháp quả tang và thu giữ, niêm phong tang vật nêu trên (ký hiệu M1).

Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Xuân đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 36 ngày 30/6/2017 đối với số tang vật thu giữ nói trên. Tại Kết luận giám định số 1608/MT-PC54 ngày 02/7/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận: Các cục vụn màu trắng ngà của phong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định có tổng trọng lượng là 0,284 gam có Hêrôin.

Quá trình điều tra Trịnh Đình T khai nhận như sau: Khoảng 22 giờ 45 phút ngày 29/6/2017, Trịnh Đình T cùng Nguyễn Tiên Ph; Sinh năm: 1983; Trú tại khu phố 3, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đi xe máy đến Nhà nghỉ Cường Vinh thuê phòng 209 để nghỉ. Đến khoảng 23 giờ 15 phút thì có Trần Nhân T; Sinh năm: 1991; Trú tại: Khu phố 1, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa và Hà Văn M; Sinh năm: 1991; Trú tại: Luống Đồng, xã Hóa Quỳ, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa đến phòng 209. Vào trong phòng, T mở chiếc hộp màu đen mà T cầm theo lấy ma túy đá và "coóng" để sử dụng ma túy đá ra; sau đó T, M, Ph sử dụng ma túy đá còn T thì sử dụng Hêrôin. Đến khoảng 00 giờ 00 phút ngày 30/6/2017 thì Ph, T, M ra về, được một lúc thì T, M quay lại phòng 209 để ngủ cùng với T. Đến khoảng 06 giờ 00 phút ngày 30/6/2017 thì T dậy, gọi T nói là phải lên C8, xã Xuân Hòa, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa để chở keo vào đồi trồng và T đưa cho T 01 gói nilông màu trắng bên trong có nhiều tép Hêrôin và nói "chơi cái nào thì chơi rồi về tính sau". T để gói nilông ở đầu chiếc giường mà T đang nằm, còn T gọi M dậy rời khỏi phòng 209, sau đó T khóa cửa phòng và ngủ tiếp đến khoảng 14 giờ 40 thì bị lực lượng Công an huyện Như Xuân kiểm tra, phát hiện thu giữ được số ma túy nêu trên.

Trong quá trình điều tra, Trịnh Đình T còn khai nhận: T quen biết với Ph và mua ma túy của Ph để sử dụng từ đầu năm 2017. Để có ma túy sử dụng, T thường gọi điện cho Ph đến chỗ hẹn và đi một mình mua ma túy của Ph. Vào khoảng 09 giờ 00

phút ngày 29/6/2017, tại nhà Lê Hồng Th; Sinh năm: 1979; Trú tại: đường Z, khu phố 1, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, T có gọi điện cho Ph mua 200.000đ Hêrôin để sử dụng (khi T gọi điện cho Ph mua ma túy thì Th cũng ở bên cạnh nghe thấy), sau đó Ph đến bán ma túy cho T, T nhận ma túy từ Ph có chia cho Th một ít để Th sử dụng. Khoảng 22 giờ 45 phút này 29/6/2017, tại phòng 209 Nhà nghỉ Cường Vinh, T còn mua thêm của Ph 100.000đ Hêrôin để sử dụng cùng thời điểm với Ph, M, T sử dụng ma túy đá. Quá trình điều tra Ph không thừa nhận việc đã bán ma túy cho T; Th cũng không thừa nhận việc đã nghe thấy việc T gọi điện cho Ph mua ma túy nên không có đủ cơ sở để xử lý về hành vi của Ph và Th, CQĐT sẽ tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Về việc T khai báo là số Hêrôin Cơ quan Công an thu giữ được vào ngày 30/6/2017 trên đầu giường của T đang ngủ tại phòng 209 Nhà nghỉ Cường Vinh là do T đưa cho. CQĐT đã tiến hành đối chất giữa Trịnh Đình T và Trần Nhân T thì T không thừa nhận việc đã đưa Hêrôin cho T như T đã khai báo. Do đó không đủ căn cứ để xử lý về hành vi của T, CQĐT sẽ tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Tại bản kết luận giám định bổ sung số 2296/MT-PC54 ngày 24/11/2017 của Phòng kỷ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hoá kết luận: Hàm lượng Heroin có trong mẫu vật gửi giám định là 61,07%.

Tại bản cáo trạng số 35/CT-KSĐT-MT ngày 16/10/2017 của Viện trưởng VKS huyện Như Xuân đã truy tố bị cáo Trịnh Đình T, về tội ***"Tàng trữ trái phép chất ma tuý"*** theo quy định tại Khoản 1 Điều 194 BLHS.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo. Kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015; Điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017; khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 BLHS 1999. Tuyên bố bị cáo Trịnh Đình T phạm tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Xử phạt bị cáo Trịnh Đình T mức án từ 12 đến 18 tháng tù. Hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam.

Áp dụng khoản 5 Điều 194 BLHS phạt bị cáo số tiền 5.000.000đ để sung vào công quỹ Nhà nước. Xử lý vật chứng và Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến gì. Lời nói sau cùng bị cáo nhận tội và xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh

tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Như Xuân, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Như Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy đinh của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Lời khai của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ vật chứng, cùng với các tài liệu điều tra khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 14 giờ 40 phút ngày 30/06/2017, tại phòng 209 Nhà nghỉ Cường Vinh ở thôn Lúng, thị trấn Yên Cát, huyện Như Xuân, tỉnh Thanh Hóa, bị cáo Trịnh Đình T có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang cùng với tang vật. Qua giám định có trọng lượng 0,284gam có thành phần hêrôin, hàm lương Hêrôin là 61,07% tương đương 0,1734388gam Hêrôin. Do đó, hành vi của bị cáo Trịnh Đình T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 194 BLHS 1999.

[2] Xét về tính chất, mức độ hành vi, hậu quả thấy rằng: Hành vi của bị cáo T là nguy hiểm, bị xã hội lên án, phẫn nộ. Xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền các chất ma túy của Nhà nước, gây mất trật tự, trị an trên địa bàn, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Do vậy cần xử lý nghiêm minh để cải tạo, giáo dục bị cáo có ý thức tuân theo pháp luật đồng thời để giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Xét về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo thấy rằng: Bị cáo Trịnh Đình T từng bị xử phạt về tội "Đánh bạc" và bị xử phạt hành chính về hành vi "sử dụng trái phép chất ma túy". Lẽ ra sau những lần phạm tội trước bị cáo phải nhận thức được lỗi lầm của mình để cố gắng cải tạo trở thành người có ích cho xã hội, nhưng với bản chất coi thường pháp luật bị cáo lại tiếp tục cố ý thực hiện hành vi phạm tội mới. Tuy bị cáo đã được xóa án tích ở các lần phạm tội trước nhưng Hội đồng xét xử cũng cần xem xét đến nhân thân và thái độ của bị cáo để lên cho bị cáo một mức án thật nghiêm minh, tương xứng với hành vi phạm tội của mình. Nên cần thiết phải cách ly bị cáo T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tính chất giáo dục, răn đe bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội. Mặt khác, khi lượng hình cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là: Thành khẩn khai báo được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS. Nên cũng cần xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được tính khoan hồng của pháp luật.

[4] Xét về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, sống phụ thuộc vào gia đình, hoàn cảnh gia đình bị cáo hiện gặp nhiều khó khăn và bị cáo thuộc đối tượng nghiện ma túy. Vì vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết áp dụng khoản 5 Điều 194 BLHS làm hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về vật chứng:

- Đối với 01 phong bì hoàn mẫu giám định do Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành được dán kín, niêm phong là vật cấm lưu hành cần tịch thu tiêu hủy;

- Đối với 01 gói nilông màu trắng bên trong có: 01 lưỡi dao lam; 37 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ xanh, kích thước khoảng 4cm x 4cm; 01 gói nilông màu trắng có in chữ màu trắng, màu đỏ, màu xanh bên trong có 06 mảnh giấy bạc màu trắng là vật dụng bị cáo dùng để hút ma túy, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động có vỏ màu xanh nhãn hiệu FOMER đã qua sử dụng, bên trong có kèm 01 sim điện thoại Viettel, số thuê bao 0969.478.456; 01 giấy CMND số 174105004 mang tên Trịnh Đình T; 01 bản sao đăng ký xe mô tô số mang tên Hoàng Phú T và số tiền 330.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy số vật chứng này không liên quan đến vụ án nên cần tuyên trả lại cho bị cáo là phù hợp.

[6] Về các vấn đề khác: Đối với Nguyễn Tiên Ph bị cáo có khai vào khoảng 09 giờ 00 phút ngày 29/6/2017 tại nhà Lê Hồng Th, T có gọi điện cho Ph để mua 200.000đ Hêrôin để sử dụng (khi T gọi điện cho Ph mua ma túy thì Th cũng ở bên cạnh nghe thấy), sau đó Ph đến bán ma túy cho T, T nhận ma túy từ Ph có chia cho Th một ít để Th sử dụng. Khoảng 22 giờ 45 phút này 29/6/2017, tại phòng 209 Nhà nghỉ Cường Vinh, T còn mua thêm của Ph 100.000đ Hêrôin để sử dụng cùng thời điểm với Ph, M, T sử dụng ma túy đá. Quá trình điều tra Ph không thừa nhận việc đã bán ma túy cho T; Th cũng không thừa nhận việc đã nghe thấy việc T gọi điện cho Ph mua ma túy nên chưa có đủ cơ sở để xử lý về hành vi của Ph và Th. Ngoài ra bị cáo có khai vào ngày 30/6/2017 trên đầu giường của T đang ngủ tại phòng 209 Nhà nghỉ Cường Vinh là do T đưa cho. CQĐT đã tiến hành đối chất giữa Trịnh Đình T và Trần Nhân T thì T không thừa nhận việc đã đưa Hêrôin cho T như T đã khai báo. Do đó chưa đủ căn cứ để xử lý về hành vi của T. HĐXX đề nghị Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Xuân tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo có tội nên phải chịu án phí và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 7, khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017; khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 và Điều 33 BLHS 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2011.

Tuyên bố: Bị cáo Trịnh Đình T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Đình T 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 30/6/2017.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS; khoản 1; điểm a, đ khoản 2 Điều 76 BLTTHS. Tịch thu để tiêu hủy 01 phong bì hoàn mẫu giám định do phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành được dán kín, niêm phong theo biên bản giao nhận ngày 11/12/2017 giữa Tòa án và Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân; Tịch thu tiêu hủy 01 gói nilông màu trắng bên trong có: 01 lưỡi dao lam; 37 mảnh giấy màu trắng có dòng kẻ xanh, kích thước khoảng 4cm x 4cm; 01 gói nilông màu trắng có in chữ màu trắng, màu đỏ, màu xanh bên trong có 06 mảnh giấy bạc màu trắng theo biên bản giao nhận vật chúng ngày 17/10/2017 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân; Trả lại cho bị cáo Trịnh Đình T: 01 điện thoại di động có vỏ màu xanh nhãn hiệu FOMER đã qua sử dụng, bên trong có kèm 01 sim điện thoại Viettel, số thuê bao 0969.478.456; 01 giấy CMND số 174105004 mang tên Trịnh Đình T; 01 bản sao đăng ký xe mô tô số 174980 mang tên Hoàng Phú T theo biên bản giao nhận vật chúng ngày 17/10/2017 giữa Công an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Như Xuân; Trả lại cho bị cáo Trịnh Đình T số tiền 330.000 đồng theo ủy nhiệm chi từ tài khoản tạm giữ số 3949 của Cơ quan CSĐT Công an huyện Như Xuân sang tài khoản tạm giữ số 3949 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Như Xuân.

Về phần án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 99, 231, 234 BLTTHS; Điều 6, 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Buộc bị cáo Trịnh Đình T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST.

*Trường hợp bản án, quyết định được Thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.*

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo tại phiên tòa. Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**
- VKSND huyện Như Xuân;
- Công an huyện Như Xuân;
- THA DS huyện Như Xuân;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Ngô Công Tuấn**